

Bản án số: 42/2022/HS-ST
Ngày: 26-9-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Hùng;
2. Ông Nguyễn Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Long - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2022/TLST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2022, đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh ngày 10/01/1989 tại CD, tỉnh Long An; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Ấp Q, xã C, huyện CD, tỉnh Long An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 04/12; Con ông Phạm Văn B, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963; Có vợ và 01 con sinh năm 2008; Tiền án, Tiền sự: Không có.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 05/02/2022, chuyển sang tạm giam từ ngày 11/02/2022. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Võ Thị N, sinh năm 1984 (xin vắng mặt);

Nơi cư trú: ấp T, xã Đ, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1963 (có mặt);

Nơi cư trú: Ấp Q, xã C, huyện CD, tỉnh Long An.

- Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1957 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã Đ, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

2. Anh Trịnh Thanh M, sinh năm 1972 (có mặt);
Nơi cư trú: Ấp Đ, xã Đ, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút, ngày 05/02/2022, chị Võ Thị N đi chợ về đến khu vực ấp Đ, xã Đ, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang thì bị bị cáo T điều khiển xe mô tô hai bánh biển số 62L1-254.96 từ phía sau chạy đến áp sát phía bên phải xe của chị N rồi dùng tay trái giật sợi dây chuyền đang đeo trên cổ. Chị N truy hô nên được ông Nguyễn Văn H và anh Trịnh Thanh M là người dân sống gần đó truy đuổi bắt quả tang bị cáo T.

Tang vật thu giữ:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX FI màu đen, biển số 62L1-254.96.
- 01 sợi dây chuyền màu vàng dài 56 cm, mặt viên đá màu xanh hình trái tim.

Theo Kết luận định giá tài sản số 6/KL-HĐĐGTS ngày 09/02/2022 của Hội đồng định giá tài sản thị xã Gò Công thì 01 dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 02 chỉ 06 phân 0 ly có giá là 8.190.000 đồng và 01 mặt dây chuyền là viên đá cẩm thạch màu xanh hình trái tim, trọng lượng vàng 1 phân 5 ly có giá là 465.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 8.655.000 đồng.

Căn cứ Kết luận giám định pháp y về tâm thần số 166 ngày 12/4/2022 của Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa kết luận đối với Phạm Văn T:

- Về y học:
 - + Trước, trong và sau khi gây án: Đang sự bị bệnh Tâm căn suy nhược (F48.0 - ICD.10).
 - + Hiện nay: Đang sự không có bệnh tâm thần.
- Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi:
 - + Tại thời điểm gây án: Đang sự bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.
 - + Hiện nay: Đang sự đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại Cáo trạng số 38/CT-VKSTXGC ngày 31/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công đã truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “Cướp giật tài sản”, theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ đã thể hiện, không có ý kiến tranh luận bổ sung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d khoản 2

Điều 171; Điều 38, Điều 50, điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 03 (Ba) năm đến 04 (Bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/02/2022.

- Về vật chứng vụ án: Đề nghị ghi nhận: Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thị xã Gò Công đã trao trả cho chị Võ Thị N 01 sợi dây chuyền màu vàng dài 56 cm, mặt viên đá màu xanh hình trái tim.

Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX FI màu đen, biển số 62L1-254.96.

- Về trách nhiệm dân sự: Chị Võ Thị N đã nhận lại các tài sản bị cướp giật, không có yêu cầu bồi thường thiệt hại, nên không xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Bị cáo không có trình bày lời nói lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào phòng để nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thị xã Gò Công, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại, người làm chứng vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt bị hại, người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử và vẫn đảm bảo quyền lợi hợp pháp của những người này. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 292 và Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt bị hại và người làm chứng.

[2] Về nội dung vụ án: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai nhận, khoảng 08 giờ 30 phút, ngày 05/02/2022, bị cáo điều khiển xe mô tô hai bánh biển số 62L1-254.96 từ huyện CD, tỉnh Long An đến thị xã GC, tỉnh Tiền Giang để tìm người quản lý tài sản sơ hở chiếm đoạt tài sản. Khi đến khu vực ấp Đ, xã Đ, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang thấy chị Võ Thị N điều khiển xe mô tô phía trước trên cổ có đeo sợi dây chuyền vàng nên bị cáo từ phía sau chạy đến áp sát phía bên phải xe của chị N rồi dùng tay trái giật sợi dây chuyền đang đeo trên cổ của chị N rồi nhanh chóng tăng ga bỏ chạy. Chị N đuổi theo và truy hô nên được ông Nguyễn Văn H và anh Trịnh Thanh M là người

dân sống gần đó truy đuổi bắt quả tang. Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 8.655.000 đồng.

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng cùng với vật chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã thực hiện hành vi cướp giật tài sản của bị hại với lỗi cố ý trực tiếp và vì động cơ tư lợi. Bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo sử dụng xe mô tô làm phương tiện để thực hiện hành vi cướp giật tài sản là một trong những thủ đoạn nguy hiểm. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội “*Cướp giật tài sản*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức được tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ. Mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật đều phải bị xử lý. Bị cáo lại cố ý thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại thể hiện thái độ xem thường pháp luật của các bị cáo. Hành vi ấy còn gây mất trật tự, an toàn xã hội và bất bình trong Nhân dân nên cần nghiêm trị theo quy định của pháp luật. Do đó, việc áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra là cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo có ý thức tôn trọng pháp luật và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử nhận thấy trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử thì thái độ của bị cáo tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải. Tài sản đã trả cho bị hại, bị cáo có bồi thường thiệt hại cho bị hại xong và bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra tại thời điểm phạm tội bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Từ đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại các điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Xét nhân thân của bị cáo: Xét thấy bị cáo T có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự giáo dục, cải tạo. Ngoài ra bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 05/02/2022 đến nay cũng đủ để bị cáo suy nghĩ, nhận thức được hành vi phạm tội của mình. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng cho bị cáo hình phạt tù có điều kiện, để bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời thể hiện tính khoan hồng và nhân đạo của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-

HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, có đủ căn cứ để cho bị cáo được hưởng án treo. Trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

[6] Về vật chứng, xử lý vật chứng:

- Đối với 01 sợi dây chuyền màu vàng dài 56 cm, mặt viền đá màu xanh hình trái tim là tài sản của bị hại Võ Thị Nhen. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trao trả cho chị N là đúng quy định pháp luật nên ghi nhận.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX FI màu đen, biển số 62L1-254.96 do bị cáo đứng tên sở hữu, là phương tiện bị cáo sử dụng đi thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm d Khoản 2 Điều 171; điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 và Điều 47 của Bộ luật hình sự;

- Điều 106, Điều 136 và Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo **Phạm Văn T** phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

Xử phạt bị cáo **Phạm Văn T** 03 (Ba) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (Năm) năm, tính từ ngày tuyên án. Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa.

Giao bị cáo Phạm Văn T cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện CD, tỉnh Long An để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo Phạm Văn T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Phạm Văn T cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về biện pháp tư pháp:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX FI màu đen, biển số 62L1-254.96.

Thời gian thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật. Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06 tháng 9 năm 2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Gò Công và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gò Công.

Về án phí: Bị cáo Phạm Văn T phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gò Công;
- Cơ quan Thi hành án hình sự thị xã Gò Công;
- Lưu: AV, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Võ Thị Thu Thúy